

Số: **272/2022/QĐST-HNGĐ**

Bắc Từ Liêm, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01, đăng ký ngày 29/9/2006 của UBND xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây (Nay là TP Hà Nội).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ **Anh Nguyễn Phương D, sinh năm 19XX;**

Nơi ĐKNKTT: thôn N Q, xã N T, huyện P X, TP Hà Nội. Nơi ở: Căn hộ X chung cư S T, tổ Y, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

+ **Chị Phạm Thị T, sinh năm 19XX;**

Nơi ĐKNKTT và ở: Căn hộ X chung cư S T, tổ Y, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/7/2022, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về tình cảm: Anh Nguyễn Phương D và chị Phạm Thị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Đình T1, sinh ngày 22/5/20XX và cháu Nguyễn Phạm Đình T2, sinh ngày 04/7/20XX. Khi ly hôn, vợ chồng anh chị thoả thuận cháu T1 do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu T2 do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung: Anh, chị tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh D và chị T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phương D và chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung. Giao con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Phạm Đình T1, sinh ngày 22/5/20XX cho anh Nguyễn Phương D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Phạm Đình T2, sinh ngày 04/7/20XX cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phương D và chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Phương D và chị Phạm Thị T có quyền gặp gỡ, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: anh D và chị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0043233 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Ngọc Cảnh